

# Việt Nam



**4,5** triệu AUD  
**Ngân sách**



**22**  
**Dự án nghiên cứu  
song phương & khu  
vực**



**9**  
**Dự án và hoạt động  
nghiên cứu nhỏ**

Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế ngoạn mục trong các thập niên qua; tuy nhiên, vẫn có những rủi ro đối với nền kinh tế trong trung hạn. Các doanh nghiệp bị hạn chế do thiếu lao động có tay nghề; đồng thời, cần có sự đầu tư sâu rộng hơn về cơ sở hạ tầng và cải cách kinh tế để duy trì tăng trưởng trong khu vực tư nhân. Bất bình đẳng vẫn là một thách thức đối với 10% dân số đang sống dưới chuẩn nghèo.

Việt Nam là một trong số ít các quốc gia có khoảng cách về thu nhập giữa nam giới và phụ nữ đã tăng lên trong thập kỷ qua. Người dân tộc thiểu số chưa được thừa hưởng thành quả tăng trưởng kinh tế một cách bình đẳng; mặc dù người dân tộc thiểu số chỉ chiếm 15% số dân, họ lại chiếm tới hơn một nửa số người nghèo cả nước. Australia tiếp tục cam kết hỗ trợ Việt Nam trong hợp tác phát triển. Nhìn lại quan hệ hợp tác kinh tế ổn định giữa hai nước, chúng tôi sẽ tiếp tục thúc đẩy các nguồn lực trong nước và đầu tư nước ngoài quan trọng của Việt Nam, và hỗ trợ Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển kinh tế mới. Thông qua các hỗ trợ nhằm khuyến khích khu vực tư nhân phát triển, nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động và hỗ trợ tăng trưởng bao hàm, chúng tôi sẽ đóng góp để đạt được các mục tiêu bao trùm chung là giảm nghèo và thúc đẩy thịnh vượng ở Việt Nam.

Xem thêm tổng quan về mối quan hệ giữa Australia và Việt Nam trên website của DFAT.

Trong năm 2019, Việt Nam đã hội nhập sâu hơn vào thị trường quốc tế nhờ hai hiệp định thương mại tự do: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu.

Việt Nam đạt được tăng trưởng kinh tế ấn tượng trong năm 2019 với GDP tăng 7%. Nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp chiếm 14% GDP và sản phẩm xuất khẩu đạt trị giá 41,3 tỉ đô la Mỹ. Tuy nhiên, các lĩnh vực này đang đối mặt với một số thách thức. Ba thách thức chính có thể kể đến bao gồm:

- » Biến đổi khí hậu dẫn tới các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, lũ lụt, xâm lấn mặn và cháy rừng gây ảnh hưởng tới diện tích lớn đất nông nghiệp
- » Sâu hại và dịch bệnh bùng phát trên cây trồng và động vật nhưng chưa giải quyết được trong năm 2020, đặc biệt là bệnh vàng lá và thối rễ ở cà phê, héo nhanh và chết chậm ở cây hồ tiêu, bệnh khảm lá sắn, sâu keo mùa thu ở cây ngô và bệnh tả lợn Châu Phi (làm thiệt hại ít nhất 20% trên tổng số đàn lợn)
- » Các vấn đề sau canh tác, ví dụ như: liên kết chuỗi giá trị còn yếu, công nghệ chế biến nông nghiệp lạc hậu và tỉ lệ lớn nông sản bị thất thoát sau thu hoạch.

Bên cạnh đó, đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng tới tất cả các lĩnh vực, bao gồm nông nghiệp, cả trong sản xuất và thương mại.

Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 2016 – 2020 của Việt Nam thực hiện ở năm cuối. Trong năm 2020, khoa học và công nghệ được xác định đóng vai trò chủ lực trong nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tính cạnh tranh của nền nông nghiệp. Các nội dung nghiên cứu chính bao gồm nâng cao chất lượng sản phẩm trong toàn bộ chuỗi cung ứng và giá trị; cây - con giống chất lượng cao, có khả năng chống chịu các loại bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ quản lý, chế biến và bảo quản sau thu hoạch; và liên tục cải thiện năng suất.

Là nước chủ tịch ASEAN năm 2020, Việt Nam đã có cơ hội tăng cường hợp tác trong khu vực thông qua chia sẻ kinh nghiệm và các kết quả nghiên cứu giữa các nước ASEAN.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đang tiếp tục tập trung phát triển các sản phẩm chất lượng tốt hơn và có giá trị hơn trong các năm tới, với mục tiêu nông nghiệp sẽ đóng góp thêm 3% vào GDP và tổng giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt 43 tỉ đô-la Mỹ.

## Trưởng Đại diện, Việt Nam

Bà Nguyễn Thị Thanh An

### Các Giám đốc Chương trình

#### Nghiên cứu

Kinh doanh nông nghiệp: Ông Howard Hall

Trồng trọt: TS Eric Huttner

Thủy sản: TS Ann Fleming

Lâm nghiệp: TS Nora Devoe

Hệ thống chăn nuôi: TS Anna Okello

Khoa học xã hội: TS Jayne Curnow

Quản lý đất đai: TS James Quilty

Biến đổi khí hậu: TS Veronica Doerr

Xem thông tin liên hệ ở trang 209

## Các dự án hiện tại và đang đề xuất

1. Cải thiện thu nhập của nông dân thông qua phát triển thị trường chiến lược trong chuỗi cung ứng xoài ở miền nam Việt Nam (AGB/2012/061)
2. Phát triển liên kết chuỗi giá trị để cải thiện hệ thống sản xuất sản quy mô nhỏ ở Việt Nam và Indonesia (AGB/2012/078)
3. Cải thiện sinh kế ở Myanmar và Việt Nam thông qua chuỗi giá trị rau (AGB/2014/035)
4. Tài chính bao hàm cho chuỗi giá trị nông nghiệp [Indonesia, Myanmar, Việt Nam] (AGB/2016/163)
5. Tăng cường liên kết với thị trường cho các nông hộ nhỏ thông qua tối ưu hóa giao thông và cơ sở hạ tầng logistics [Indonesia, Việt Nam] (AGB/2017/036)
6. Tăng cường sự lãnh đạo, điều phối và phát triển kinh tế đối với ngành hoa quả ôn đới ở miền Bắc Việt Nam (AGB/2018/171)
7. Xác định giải pháp bền vững cho các bệnh về sán ở lục địa Đông Nam Á [Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam] (AGB/2018/172)
8. Sau canh tác: đánh giá và lập kế hoạch chiến lược nhằm tăng cường sinh kế của các nông hộ nhỏ trồng cà phê và hồ tiêu ở Tây Nguyên, Việt Nam thông qua nâng cao sự tham gia của các bên liên quan trong chuỗi giá trị do kinh doanh nông nghiệp dẫn dắt (AGB/2018/208)
9. Tăng cường tính bền vững, năng suất và giá trị kinh tế của các hệ thống canh tác và chuỗi giá trị cà phê và hồ tiêu ở Tây Nguyên, Việt Nam (AGB/2018/175)
10. Xây dựng kế hoạch và thiết lập chuỗi giá trị gạo của các nông hộ nhỏ ở Đồng bằng sông Cửu Long [Việt Nam] (AGB/2019/153)
11. Nghiên cứu hỗ trợ xây dựng chính sách và lập kế hoạch cho nông nghiệp: nghiên cứu hỗ trợ Chính phủ Việt Nam xây dựng Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 (AGB/2019/185)
12. Nghiên cứu đặc điểm quần thể *Spodoptera frugiperda* (sâu keo mùa thu) ở Đông Nam Á và Bắc Úc (GRDC đồng tài trợ) [Indonesia, Việt Nam, Lào, Myanmar, Campuchia, Philippines, Malaysia] (CROP/2020/144)
13. Nâng cao kỹ năng chuyên môn hỗ trợ nuôi trồng hải sản trong cộng đồng ở Việt Nam và Philippines (FIS/2016/122)
14. Phát triển ngành nuôi trai lấy ngọc tại Tonga và Việt Nam (FIS/2016/126)
15. Thúc đẩy và mở rộng nông lâm kết hợp hướng theo thị trường và các giải pháp phục hồi rừng cho vùng Tây Bắc Việt Nam (FST/2016/152)
16. Quản lý rủi ro trong an ninh sinh học rừng ở Đông Nam Á [Indonesia và Việt Nam] (FST/2018/179)
17. Rà soát mạng lưới an ninh sinh học rừng ở Đông Nam Á [Campuchia, Lào, Việt Nam] (FST/2020/102)
18. Xây dựng mạng lưới an ninh sinh học và chăm sóc sức khỏe rừng hiệu quả ở Đông Nam Á [Campuchia, Lào, Việt Nam] (FST/2020/123)
19. Phân tích chính sách phát triển rừng ở Lào và Việt Nam (FST/2019/121)
20. Chăn nuôi thâm canh bò thịt trong các hệ thống canh tác đất dốc vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam (LPS/2015/037)
21. Nghiên cứu và phát triển các biện pháp can thiệp để giảm thiểu kí sinh trùng lây truyền qua thực phẩm trong quá trình sản xuất thịt động vật ở Lào [Lào, Việt Nam] (LS/2014/055)
22. Thịt lợn an toàn: Phương pháp tiếp cận theo hướng thị trường nhằm cải thiện mức độ an toàn của thịt lợn ở Việt Nam (LS/2016/143)
23. Các hệ thống sản xuất và tiếp thị dê ở Lào và Việt Nam (LS/2017/034)
24. Cỏ chăn nuôi: thu thập dữ liệu và nhận diện các nhu cầu nghiên cứu [Campuchia, Lào, Việt Nam] (LS/2018/186)
25. Nghiên cứu tính trội của gien gà châu Á để nâng cao chất lượng gà, cải thiện đầu ra cho sinh kế ở Đông Nam Á [Campuchia, Myanmar, Việt Nam] (LS/2019/142)
26. Gia tăng giá trị cho các chương trình chăn nuôi hiện có để hiểu và định lượng phát thải khí nhà kính, cung cấp các phương án giảm phát thải và thông tin cho các hoạt động xây dựng chính sách tại các quốc gia [Campuchia, Indonesia, Kenya, Lào, Myanmar, Pakistan, Nam Phi, Tanzania, Đông Timor, Vanuatu, Việt Nam, Zambia] (LS/2019/159)
27. Phân tích các phương pháp tiếp cận tạo thay đổi về giới trong phát triển nông nghiệp trong các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam (SSS/2018/139)
28. Khung đánh giá các phương pháp tiếp cận khuyến nông và phân tích các cách tiếp cận sức khỏe cộng đồng có thể nhân rộng [Australia, Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam] (SSS/2019/186)
29. Cải thiện hệ thống canh tác ngô trên đất dốc ở Việt Nam và Lào (SMCN/2014/049)
30. Nông dân lựa chọn đa dạng hóa cây trồng cho vùng bị xâm nhiễm mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (SLAM/2018/144)
31. Hỗ trợ giảm phát thải khí nhà kính cho các hệ thống canh tác bền vững ở Châu Á – Thái Bình Dương và Đông Phi [Fiji, Indonesia, Kenya, Việt Nam] (WAC/2019/150)